

Duy ngã độc

bởi Thích Phước Tiến |

Trong các bài kệ của nhiều kinh tạng Phật giáo, đã có đề cập đến câu này, chỉ khác về các câu phụ, còn cụm từ “Duy ngã độc tôn” thì đều giống nhau. Như vậy, chắc chắn từ Duy Ngã Độc Tôn không thể phủ nhận ý nghĩa và giá trị triết học của nó, nhưng trong đó có lẽ từ “Duy ngã” đem đến sự ngộ nhận và tranh cãi nhiều nhất.

Có thể nói trong thời buổi hiện tại, những người muốn tìm hiểu các triết lý Phật giáo đã rất thuận tiện và dễ dàng. Mặc dù vậy, các vấn đề triết lý Phật giáo cũng gây không ít khó khăn, bởi những từ Phật học đa nghĩa, và cách lý giải cũng đa dạng, làm cho người học Phật bị hoài nghi hoặc hoang mang, bối rối. Chẳng hạn, cụm từ “Duy ngã độc tôn” đã có không biết bao nhiêu lời giải thích, nhưng dường như vẫn chưa làm thỏa mãn khách bàng quan, kể cả những người thật tâm nghiên cứu Đạo Phật. Trong các bài kệ của nhiều kinh tạng Phật giáo, đã có đề cập đến câu này, chỉ khác về các câu phụ, còn cụm từ “Duy ngã độc tôn” thì đều giống nhau. Như vậy, chắc chắn từ Duy Ngã Độc Tôn không thể phủ nhận ý nghĩa và giá trị triết học của nó, nhưng trong đó có lẽ từ “Duy ngã” đem đến sự ngộ nhận và tranh cãi nhiều nhất.

Dựa vào lịch sử Đức Phật, chúng ta được biết, Thái tử Sĩ Đạt Ta (Siddhattha) khi chào đời, bước đi bảy bước, có bảy hoa sen đỡ chân, và bước cuối cùng, Ngài đưa một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, đồng dạc tuyên ngôn: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”- trên trời dưới trời chỉ có ta (Phật) là tối thượng nhất. Nhiều kinh điển có dẫn chứng câu tuyên ngôn cùng với ý nghĩa này nhưng với các nội dung khác nhau.

Theo kinh Trường A Hàm I, “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã vi tôn, yếu độ chúng sanh, sanh lão bệnh tử” (Trên trời dưới trời chỉ có Ta là tôn quý, việc quan trọng nhất ‘của ta’ là độ chúng sanh thoát ly sanh già bệnh chết – Kinh Đại Bản Duyên).

Kinh Tu Hành Bản Khởi ghi: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn. Tam giới vi khổ, ngô đương an chi” (Trên trời dưới trời chỉ có Ta là tôn quý nhất. Ba cõi đều khổ, Ta sẽ làm cho chúng sanh an lạc – Đại Chính Tân Tu [ĐCTT], T3, tr.463C) (Phật pháp bách vấn (PPBV) – tập II).

Kinh Thái Tử Thụy Ứng Bản Khởi quyển Thượng chép: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã vi tôn. Tam giới giai khổ, hà khả lạc giả?” (Trên trời dưới trời chỉ có Ta là tôn quý nhất. Ba cõi đều khổ, ai là người có thể đem lại sự an lạc? – ĐCTT, T3, tr.473C) (PPBV – tập II).

Kinh Di Xuất Bồ Tát Bản Khởi thuật: “Thiên thượng thiên hạ, tôn vô quá ngã giả” (Trên trời dưới trời, bậc tôn quý nhất không ai bằng Ta – ĐCTT, T3, tr.618A) (PPBV – tập II).

Kinh Quá Khứ Hiện Tại Nhân Quả, “Ngã ư nhất thiết thiên nhân chi trung tối tôn tối thắng. Vô lượng sanh tử ư kim tận hỷ” (Ta, đối với tất cả hàng trời người là bậc tối tôn tối thắng. Vô lượng sanh tử từ nay chấm dứt – ĐCTT, T3, tr.625A) (PPBV – tập II).

Kinh Phật Bản Hạnh Tập, “Thế gian chi trung, ngã vi tối thượng. Ngã tùng kim nhật, sanh phần dĩ tận” (Ở trong thế gian, Ta là bậc cao nhất. Từ nay, việc sanh tử của Ta đã đoạn tận – ĐCTT, T3, tr.687B) (PPBV – tập II).

Qua các đoạn kinh trích dẫn, chúng ta được hiểu chữ Ngã trong các ngữ cảnh trên là chỉ Đức Phật (Ngã = Ta = Phật). Có người dựa vào chữ ngã mà cho rằng Đức Phật kiêu ngạo, hay còn có ngã thì làm sao thành Phật? Mặc dù, duy ngã đã được giải thích nhiều nhưng vẫn còn chưa thỏa đáng. Thật ra câu “duy ngã độc tôn” nhằm thần thánh hóa cho một ý nghĩa triết học nào đó hơn là giá trị lịch sử. Lịch sử đã cho chúng ta biết, khi Thái tử chào đời chưa chắc Ngài sẽ đi tu, vì tiên A Tư Đà (Asita) tiên đoán, có hai con đường để Thái tử lựa chọn: “Ở đời làm chuyển luân thánh vương; xuất gia làm Phật”. Do đó, chúng ta có thể thấy rằng, về mặt hiện thực, Thái tử đã sinh ra đời cũng bình thường như bao nhiêu đứa trẻ sơ sinh khác, và như thế sẽ không thể cất được tiếng nói vào lúc mới sinh ra. Vậy, chúng ta có thể đặt vấn đề là, vì sao câu ấy được nêu trong các kinh? Có từ thời nào? Nó mang ý nghĩa gì? Và, đó cũng là điều nghi vấn về sự mâu thuẫn giữa lịch sử và triết lý Phật giáo. Tác giả cho rằng, câu “Duy ngã độc tôn” có thể được thêm vào trong những trường hợp sau: Một là sau sự kiện thành đạo vĩ đại của Đức Phật, được người đương thời tôn xưng dật nên sự kiện siêu phàm đó; Hai, sau khi Đức Phật Niết Bàn, hàng đệ tử biên tập kinh điển đã thêm vào, nhằm đề cao nhân cách của một bậc vĩ nhân phải khác với con người trần thế; Ba, tư tưởng Đại thừa đã đạt đến trình độ cao, đưa ra triết lý Phật tính bình đẳng trong tất cả chúng sanh. Và, tác giả thấy ý nghĩa thứ ba là làm nổi bậc nhất trong cụm từ “Duy ngã độc tôn”.

Như chúng ta đã biết, quan điểm đạo Phật là vô ngã, mọi sự vật hiện hữu đều không thật có cái ta. Đây là quan niệm thời kỳ đầu của Phật giáo (Sơ kỳ Phật giáo). Đức Phật đã giác ngộ được cuộc đời vô thường, không có gì tồn tại mãi mãi, kể cả thân năm uẩn này, nên Ngài đã quyết định từ bỏ mọi thứ để

tìm ra chân lý. Và mục đích cuối cùng là Niết Bàn với điều kiện giải quyết tận gốc tính chấp ngã đạt đến vô ngã, lập nên quan điểm vô ngã là Niết Bàn. Nhưng đến giai đoạn Phật giáo Đại thừa phát triển thì các vấn đề được mở rộng thêm là: Vô ngã chưa phải là điểm dừng, chưa phải mục đích tối thượng. Vì vậy, quan niệm của Đại thừa vượt qua định kiến thông thường về học thuyết vô ngã, vì vô ngã chưa phải thật là Niết Bàn, vô ngã chỉ là tiền đề quan trọng để đạt đến Niết Bàn. Kinh Đại Bát Niết Bàn cho rằng, Thường – Lạc – Ngã – Tịnh mới là thật nghĩa của Niết Bàn. Vì vậy, cái gì được gọi là Ngã thì phải đáp ứng với các yếu tố: Thường nhất bất biến, không do yếu tố khác để tồn tại, tự tại tự chủ, vượt ngoài đối đãi. Do đó, sau vô ngã không phải là không có gì, nếu chân không mà không diệu hữu thì không có tác dụng. Vậy, sau vô ngã là chơn ngã, thật ngã, chỉ cho pháp thân thường trú, chơn thật, không biến đổi, nhưng tuyệt nhiên không phải là cái tồn tại như hữu ngã luận, bởi cái hữu ngã đã được phê phán và phá vỡ từ ban đầu bằng thuyết vô ngã. Đức Phật phủ nhận học thuyết hữu ngã và linh hồn, bởi chưa vô ngã, con người sẽ bám chấp vào ngã và linh hồn để hy cầu sự tồn tại sau khi chết, đó là học thuyết của Bà La Môn, Upanishad, tức là có một linh hồn bất tử, là một ảo tưởng.

Chữ ngã ở đây không mang nghĩa cái tôi cái ta giả huyền, hư thuyết mà nó là chân ngã, thật ngã, vì chỉ có thật ngã mới là cái siêu xuất trong trời người, là cái độc tôn. Kinh Đại Bát Niết Bàn nói rằng: “Vô ngã là sanh tử, ngã là Như Lai”. Vì vô ngã là tiền đề vào Niết Bàn, phải vượt qua các khái niệm về vô ngã, phá vỡ bức màn the “vô ngã” thì chúng ta mới thật đạt được sự giải thoát rốt ráo, tức Niết Bàn. Đây là ý nghĩa quan trọng để làm sáng tỏ được cụm từ “Duy ngã độc tôn”.

Qua đó, chúng ta nhận thấy, từ duy ngã có nhiều ý nghĩa: 1/ Duy ngã là chỉ có sự giác ngộ, bởi giác ngộ là thành Phật. Đó là sự tối tôn ở đời; 2/ Duy ngã là chỉ có chân ngã, là cái diệu hữu mầu nhiệm, tức là khi đạt được chân không rốt ráo; 3/ Duy ngã là chỉ có Phật tánh trong mỗi chúng ta ‘là tôn quý nhất’, vì mỗi chúng sanh đều có Phật tánh và sẽ thành Phật; 4/ Duy ngã là pháp thân thường trú, là bản thể của ba đời chư Phật và của tất cả chúng sanh. Với ý nghĩa này nên, kinh Đại Bát Niết Bàn, phẩm Ai thán, Đức Phật đã nêu: “Ngã” chính là thật nghĩa của Phật, “Thường” chính là thật nghĩa của Pháp Thân, “Lạc” là thật nghĩa của Niết Bàn, “Tịnh” là thật nghĩa của Pháp. Qua đó, duy ngã là một triết lý đặc thù, không phải mang nghĩa chỉ có ta (duy ngã) tức là chỉ có Đức Phật là trên hết. Đồng thời, duy ngã nghĩa là phải vượt

qua mọi khái niệm định kiến từ thời Nguyên thủy về thuyết vô ngã, mở ra một chân trời mới về thuyết Phật tánh bình đẳng trong mỗi chúng sanh, xác định ý nghĩa pháp thân chân thật như một thực ngã hằng hữu, bất sanh bất diệt. Chính ý nghĩa này mà chữ duy ngã mới trở thành cái tối tôn tối thượng nhất của muôn loài. Đức Phật đã đạt được chỗ bất sanh bất diệt, hay nói khác hơn là thành tựu sự bất tử (chân ngã hằng hữu) và chúng sanh ở chư thiên và loài người cũng có khả năng đạt được chỗ tối thượng này. Đó chính là thật nghĩa của cụm từ “Duy ngã độ tôn”.

Tác giả: Thích Phước Tiến (Tu Viện Tường Vân)